TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:86/2023/HS-ST
Ngày 20/12/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Trần Văn Thiện

Thư ký phiên toà: ông Đặng Xuân Trường – Thẩm tra viên Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Hà Đăng Chương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 - 20 tháng 12 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 88/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2023; đối với bị cáo:

- Phạm Văn T, sinh năm 1986; Tên gọi khác: Không có; Nơi ĐKHK và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Con ông: Phạm Văn B; con bà: Nguyễn Thị L; Vợ, con: Chưa có; Gia đình có 10 chị em, bị cáo là con thứ 10;

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: Tại Bản án số 28 ngày 09/9/2005 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

+ Tại Bản án số 44 ngày 29/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xử phạt Phạm Văn T 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

- Nhân thân: Ngày 16/11/2008, Phạm Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn khởi tố về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 19/01/2009, Cơ quan CSĐT Công an huyện L ra quyết định tạm đình chỉ điều tra do bị cáo bỏ trốn. Ngày 11/10/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện L phục hồi điều tra vụ án, hiện vụ án đang điều tra.

- Bị cáo bỏ trốn ngày 27/4/2008, ngày 10/10/2023 bị bắt lại, hiện đang chấp hành án tại Trại giam N1, huyện T. (có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trại giam N1, C10 – Bộ C .

Người đại diện theo ủy quyền do ông Đỗ Hồng H – Đội trưởng trinh sát trại giam N1 – C10, Bộ C. (vắng mặt).

Người làm chứng: La Tiến T1, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Q, xã D, huyện H, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau. Phạm Văn T, là phạm nhân đang chấp hành hình phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 44/2007/HS-ST ngày 29/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tại Trại giam N1 (nay là Cục A) - Bộ C có địa chỉ tại thôn T, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 26/4/2008, T và phạm nhân La Tiến T1, cùng chấp hành án tại Phân T, Trại giam N1 bàn bạc cùng nhau trốn khỏi trại giam. Khoảng 12 giờ cùng ngày, T và T1 rủ nhau đi tìm vị trí trèo tường trốn trại. Sau đó, T và T1 đi ra sau dãy buồng giam A đến hàng rào dây thép gai bảo vệ dùng tay kéo phần chân lưới tạo lỗ rỗng đủ để chui sang sau dãy buồng giam B, tiếp tục dùng tay kéo chân hàng rào thép gai để chui sang phía sau dãy buồng giam C. Đến tường bao gần khu nhà ăn đang xây dựng của phạm nhân, quan sát thấy một số giàn giáo xây dựng bằng sắt có thể làm thang trèo qua tường ra ngoài được. T và T1 quay về buồng giam chuẩn bị quần áo để trưa hôm sau trèo tường bỏ trốn. Đến khoảng 11 giờ, ngày 27/4/2008, sau khi ăn cơm trưa, lợi dụng cán bộ quản giáo đi khóa cửa các buồng giam bên cạnh, T và T1 lẻn khỏi buồng giam nấp ở sân sau dãy buồng giam A, chờ cán bộ khóa cửa buồng giam đi khỏi, T và T1 chui qua lỗ hàng rào dây thép gai theo lối hôm trước đến vị trí trèo tường để trốn ra ngoài trại giam. Đến nơi, T chui qua chân hàng rào dây thép gai ra đường tuần tra sát tường rào bảo vệ của phân trại số 3. T1 ở bên trong đi vào khu nhà ăn đang xây dựng lấy hai chiếc giàn giáo sắt xây dựng đưa cho T rồi cũng chui qua hàng rào dây thép gai ra ngoài đường tuần tra. Sau đó T và T1 lắp hai chiếc giàn giáo xếp chồng lên nhau, dựng lên tường rào bảo vệ làm thang rồi cả hai trèo tường ra bên ngoài cánh đồng. T và T1 đi qua nhà máy G đến nhà bà Bùi Thị N, sinh năm 1964 (vợ ba của ông ngoại Thành) xin tiền nhưng không được thì cả hai đi đến nhà cậu ruột T1 là ông Đào Xuân M, sinh năm 1959 ở thôn Đ (nay là thôn C), xã T, huyện V. Đến nơi, T ở ngoài cổng chờ, T1 vào gặp ông M và nói dối là đi bốc gạo cho Trại giam, xin cán bộ vào thăm ông M. T1 xin và được ông M cho 100.000 đồng. Sau đó, T1 và T đi ô tô khách đến nhà anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1981 là bạn của T1 ở phường Đ, thành phố B để xin ngủ nhờ

nhưng anh T2 không có nhà nên cả hai đi bộ đến khu vực bờ đê Sông H thuộc huyện G, thành phố Hà Nội ngủ ở cánh đồng ngô. Hôm sau, T1 và T đi xe khách về xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang vào trong rừng gần nhà T. Tối 28/4/2008, T một mình đến nhà anh trai là Phạm Văn H1, sinh năm 1965 ở cùng thôn mượn chiếu, màn và đèn pin ra rừng thông cách nhà anh H1 khoảng 5 km ăn, ngủ ở đó. Đến ngày 03/5/2008, T rủ T1 sang Trung Quốc làm ăn nhưng do không có tiền nên sáng hôm sau, T1 một mình về quê xin tiền. Trên đường đi, T1 đã trộm cắp chiếc xe mô tô của anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1962 ở thôn D, xã Đ, huyện L đi ra thành phố Hà Nội thì bị cán bộ trại giam N1 phát hiện bắt giữ. Còn T sau đó đã bỏ trốn sang Trung Quốc, đến ngày 10/10/2023, T bị cán bộ Trại giam N1 phát hiện bắt giữ tại Cửa khẩu Quốc tế T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng theo quyết định truy nã số 02 ngày 27/4/2008 của Trại giam N1 (nay là Cục A) - Bộ C.

Quá trình điều tra Phạm Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 81/CT-VKS, ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên đã truy tố Phạm Văn T về tội "Trốn khỏi nơi giam" quy định tại khoản 1, Điều 386 Bộ luật hình sự năm 2015 (được bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà hôm nay, sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên thực hành quyền công tố đã luận tội đối với bị cáo, phân tích, đánh giá tính chất nguy hiểm của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, Điều 386, điểm s khoản 1, Điều 51, Điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 ; Điều 56 Bộ luật hình sự, Xử phạt Phạm Văn T từ 13 tháng đến 15 tháng tù về tội "Trốn khỏi nơi giam", Tổng hợp với hình phạt 20 tháng 12 ngày của bản án số 44/HS-ST, ngày 29/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 33 tháng 12 ngày đến 35 tháng 12 ngày. Thời hạn tù được tính từ ngày 19/12/2023.

Ngoài ra còn để nghị xử lý tiền án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật:

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội "trốn khỏi nơi giam" như bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không tranh luận gì mà chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1.]Về Tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Nên hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điều 292; Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những người trên.

[2.]Về tội danh: Khoảng 11 giờ ngày 27/4/2008 tại Phân Trại số 3, Trại giam N1, V26 (nay là C10), Bộ C; Phạm Văn T là phạm nhân đang chấp hành án đã lợi dụng sơ hở của cán bộ Trại giam, lén lút cùng với phạm nhân La Tiến T1 chui qua hàng rào dây thép gai, sau đó dùng giàn giáo bắc lên tường bảo vệ rồi trèo qua tường trốn khỏi Trại giam N1. Đến ngày 10/10/2023, T bị bắt tại Cửa khẩu Quốc tế T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng theo Lệnh truy nã của Trại giam N1.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai phạm nhân La Tiến T1 cùng trốn trại với bị cáo, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Điều đó có đủ cơ sở chắc chắn khẳng định: Phạm Văn T3 phạm tội "Trốn khỏi nơi giam" như vậy Cáo trạng số 81/CT-VKS-YT ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố bị cáo về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại khoản 1, điều 311 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, tội “Trốn khỏi nơi giam” quy định tại khoản 1 Điều 386 bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 có mức hình phạt nhẹ hơn tội “Trốn khỏi nơi giam” quy định tại khoản 1, Điều 311 Bộ luật hình sự năm 1999. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội áp dụng nguyên tắc có lợi đối với bị cáo. Do vậy Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên áp dụng khoản 1, Điều 386 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) truy tố bị cáo Phạm Văn T là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến sự hoạt động đúng đắn của cơ quan Tư pháp, cụ thể là hoạt động quản lý và cải tạo phạm nhân trong thời gian chấp hành án của Trại giam N1. Việc bị cáo trốn khỏi trại giam thời gian dài, gây tâm lý hoang mang cho các phạm nhân khác. Do vậy cần phải có mực án nghiêm khắc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một

thơi gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội sau này.

Về vai trò của bị cáo T và T1 cùng nhau bàn bạc, thống nhất , không có sự phân công, vai trò rõ ràng do vậy các bị cáo thực hiện hành vi dưới dạng đồng phạm giản đơn, không có yếu tố tổ chức.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có 02 tiền án chưa được xóa, lại phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h, khoản 1, điều 52 Bộ luật hình sự .

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tổng hợp hình phạt do Phạm Văn T đang chấp hành hình phạt của bản án số 44/2007/HSST, ngày 29/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam với mức hình phạt 30 tháng tù, tính đến nay bị cáo đã chấp hành được 9 tháng 18 ngày, phần còn lại của bản án chưa chấp hành là 20 tháng 11 ngày. Nay cần áp dụng điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt còn lại của bản án số 44/2027 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là đúng quy định.

Đối với hành vi trốn khỏi nơi giam của L2 đã bị Tòa án nhân dân huyện Tân Yên xét xử tại Bản án số 37 ngày 26/8/2008 nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tiền án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo luật định;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự;

Điểm b, khoản 2, Điều 2 nghị Quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

1. Xử phạt: Phạm Văn T 01(một) năm 03 (ba) tháng tù về tội " Trốn khỏi nơi giam " Tổng hợp với hình phạt 20 tháng 11 ngày còn lại của bản án sơ thẩm số 44/2007/HS-ST, ngày 29/11/2007 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 02 (hai) năm 11 (mười một) tháng 11 (mười một) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/12/2023.

3. Về tiền án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 BLTTHS:

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Công an huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh